

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/DS-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản (Bột mì) giữa Công
ty Cổ phần Thương mại Bột mì
H L với ông T, bà H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Triển

Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2016/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản (Bột mì)” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L

Địa chỉ: Số 09, đường T Q T, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà N H Đ, sinh năm 1963 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông N T H, sinh năm 1963 (Theo văn bản ủy quyền ngày 01-11-2016) (có mặt).

Nơi cư trú: Số 09, đường T Q T, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: 1/Ông N V T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

2/Bà N T T H, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp B A 2, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-8-2016, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông N T H trình bày:

Vào khoảng tháng 10/2015 ông N V T và bà N T T H có mua bột mì của Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L để sản xuất bánh mì; hình thức mua bán là trả chậm trong 5 ngày. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán mà chỉ làm biên bản thỏa thuận ký ngày 24-10-2015, mỗi lần lấy hàng trả tiền theo dõi qua sổ sách. Từ khi mua cho đến khi kết sổ việc mua bán vào ngày 08-4-2016 thì ông T, bà H còn nợ tiền mua bột mì của công ty là 29.490.000đ. Công ty đã nhiều lần đòi số tiền trên, tính đến ngày 27-5-2016 ông T, bà H có trả được 4.100.000đ, còn nợ lại 25.390.000đ.

Nay Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L yêu cầu ông N V T, bà N T T H trả một lần cho Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L số tiền mua bột mì còn nợ là 25.390.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định, thời điểm tính kể từ ngày 28-5-2016 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án và trở về sau này.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N V T, bà N T T H; nhưng ông T, bà H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bị đơn ông N V T, bà N T T H trình bày: Vào ngày 24-10-2015, ông bà có mua bột mì của Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L để sản xuất bánh mì bán lẻ. Việc sản xuất bánh mì tại lò bánh mì H H; Địa chỉ: ấp B A 2, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang; ông bà thuê lò của người khác sản xuất không có đăng ký kinh doanh, chủ lò tên N T M L. Thỏa thuận mua bán gói đầu 1 tấn bột, mua tiếp thì trả tiền mặt; khi mua bán có lập “Biên bản thỏa thuận” ngày 24-10-2015 tại Công ty. Quá trình mua bán ông bà còn nợ tiền bột mì của Công ty, tính đến ngày 28-5-2016, ông bà còn nợ Công ty là 25.390.000đ, ông bà đồng ý trả số tiền trên cho Công ty, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ, yêu cầu Công ty không tính lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N T H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn ông N V T, bà N T T H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc mua bán bột mì giữa Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L với ông T, bà H là có phát sinh, sự việc được minh chứng qua “Biên bản thỏa thuận” ngày 24-10-2015 được bị đơn thừa nhận còn nợ Công ty 25.390.000đ, bị đơn đồng ý trả số tiền trên cho Công ty, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 300.000đ; nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 25.390.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật, thời điểm tính từ ngày 28-5-2016 cho đến ngày xét xử 11-7-2017.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền nhận bản án, quyền kháng cáo đối với bản án nếu không thống nhất và phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N V T, bà N T T H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện, đối chiếu quy định của pháp luật tại Điều 428 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 430 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán bột mì.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ “Biên bản thỏa thuận” ngày 24-10-2015 (bút lục 17) do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận. Ngày 25-8-2016, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Điều 429 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

Căn cứ “Biên bản thỏa thuận” ngày 24-10-2015 (bút lục 17) do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 25-8-2016,

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 24-10-2015, giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L và bị đơn ông N V T, bà N T T H có xác lập hợp đồng mua bán bột mì, để sản xuất bánh mì bán lẻ. Việc sản xuất bánh mì tại lò bánh mì H H; Địa chỉ: ấp B A 2, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang; hình thức mua bán trả chậm sau khi giao hàng; khi mua bán có lập “Biên bản thỏa thuận” ngày 24-10-2015. Quá trình mua bán ông T, bà H còn nợ tiền bột mì của Công ty, tính đến ngày 28-5-2016 là 25.390.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp hiệu lực hợp đồng mua bán đã được xác lập. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 25.390.000đ và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định, thời điểm tính kể từ ngày 28-5-2016 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án và trở về sau này. Bị đơn xác nhận còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 25.390.000đ nhưng yêu cầu không tính lãi và được trả dần. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của hợp đồng mua bán bột mì được xác lập ngày 24-10-2015.

[5.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[5.1.1] Đối với yêu cầu trả lại tiền mua bột mì còn nợ: Nguyên đơn đã giao bột mì đầy đủ cho bị đơn, bị đơn chưa thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn, còn nợ lại 25.390.000đ; nay nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên. Xét quan hệ tranh chấp trên phía bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng giao kết là trả tiền bột mì sau khi nhận được bột mì như thỏa thuận. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 438 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại số tiền mua bột mì mà bị đơn còn nợ là 25.390.000đ là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.1.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định, thời điểm tính kể từ ngày 28-5-2016 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án và trở về sau này: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 438 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, thì yêu cầu của nguyên đơn chưa phù hợp, cần phải điều chỉnh cho đúng quy định; tiền lãi được tính như sau: $25.390.000đ \times 9\%/năm \times 409 \text{ ngày (Từ ngày 28-5-2016 đến ngày 11-7-2017)} = 2.560.000đ$

Buộc ông T, bà H trả cho Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L số tiền 25.390.000đ và 2.560.000đ tiền lãi, tổng cộng là 27.950.000đ.

[5.2] Xét yêu cầu của bị đơn: về việc không tính lãi và được trả dần không được nguyên đơn chấp nhận. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 438 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự

năm 2015, thì yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Pháp Lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 27.950.000đ, nên bị đơn phải chịu 1.397.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đơn xin miễn giảm án phí của ông N V T và bà N T T H đã được UBND xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang xác nhận là người có khó khăn về kinh tế (ngày 15-5-2017), đối chiếu quy định tại Điều 14, 16 của Pháp Lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án; nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho ông T, bà H một phần án phí. Ông T, bà H phải chịu 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự,

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-7-2017).

Bị đơn ông N V T, bà N T T H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Các Điều 147, 184, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 305, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434 và 438 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 430, khoản 2 Điều 468 và Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Điều 14, Điều 16, Khoản 2 Điều 26 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH XII ngày 27-02-2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về án phí, lệ phí Tòa án;

Khoản 2 Điều 26; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L.

[2] Buộc bị đơn ông N V T, bà N T T H liên đới trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L tiền mua bột mì còn nợ và tiền lãi là 27.950.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L 634.000đ (sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000254 ngày 10-10-2016 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông N V T, bà N T T H phải chịu 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại Bột mì H L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-7-2017).

Bị đơn ông N V T, bà N T T H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà